

ẤN ĐỘ

The background of the cover is a photograph of a highly ornate, multi-tiered Indian temple tower (Gopuram). The tower is covered in intricate carvings and painted in vibrant colors including blue, green, yellow, and red. The sky is a clear, bright blue, and numerous birds are seen flying in various directions across the upper portion of the image. A diagonal blue and grey gradient bar runs across the bottom right corner of the cover.

2018

THỊ TRƯỜNG ÁN ĐỘ

I. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ÁN ĐỘ

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ÁN ĐỘ NĂM 2017

Đơn vị: tỷ USD

	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Thặng dư
Tháng 1	21,98	31,90	53,88	-9,92
Tháng 2	24,37	33,40	57,77	-9,03
Tháng 3	28,94	39,96	68,90	-11,02
Tháng 4	24,35	38,01	62,36	-13,67
Tháng 5	23,84	37,84	61,68	-14,00
Tháng 6	23,39	36,77	60,16	-13,38
Tháng 7	22,10	33,82	55,92	-11,72
Tháng 8	23,22	35,51	58,73	-12,29
Tháng 9	28,48	37,59	66,07	-9,11
Tháng 10	22,33	37,03	59,35	-14,70
Tháng 11	25,98	40,41	66,40	-14,43
Tháng 12	26,88	41,80	68,67	-14,92

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế)

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ÁN ĐỘ TRONG 5 NĂM QUA

Đơn vị: tỷ USD

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Xuất khẩu	336,61	317,54	264,38	260,33	295,85
Nhập khẩu	466,05	459,37	390,74	356,70	444,05
Tổng kim ngạch	802,66	776,91	655,13	617,03	739,90
Thặng dư	-129,43	-141,82	-126,36	-96,38	-148,21
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	-	-5,66	-16,74	-1,53	13,64
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	-	-1,43	-14,94	-8,71	24,49

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế)

ĐỐI TÁC XUẤT KHẨU

STT	Nước xuất khẩu vào Ấn Độ	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Trung Quốc	71,97	16,21
2	Hoa Kỳ	24,10	5,43
3	Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	23,09	5,20
4	Saudi Arabia	21,06	4,74
5	Thụy Sĩ	20,39	4,59
6	Ấn Độ	16,23	3,65
7	Hàn Quốc	16,11	3,63
8	Irac	15,31	3,45
9	Úc	14,32	3,22
10	Đức	12,67	2,85

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế)

ĐỐI TÁC NHẬP KHẨU

STT	Nước nhập khẩu từ Ấn Độ	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Hoa Kỳ	46,06	15,57
2	Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	30,01	10,14
3	Hồng Kông	15,02	5,08
4	Trung Quốc	12,49	4,22
5	Singapore	11,57	3,91
6	Anh	8,96	3,03
7	Đức	8,24	2,79
8	Việt Nam	8,12	2,74
9	Bangladesh	7,21	2,44
10	Bỉ	6,22	2,10

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế)

CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH

Đơn vị: tỷ USD

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2017	Tăng trưởng (%)
'710812	Vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công, dùng cho mục đích phi tiền tệ	36,07	58,16
'710231	Kim cương phi công nghiệp, chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hay mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua	19,45	18,20
'851770	Các bộ phận của bộ điện thoại, điện thoại cho mạng di động hoặc cho các mạng không dây khác	11,30	77,19
'710239	Kim cương, đã gia công, nhưng chưa gắn hoặc chưa được gia công (trừ kim cương công nghiệp)	7,80	217,89
'151110	Dầu cọ thô	4,58	24,88
'854140	Thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng module hoặc thành bảng; điốt phát sáng	4,53	43,50
'260300	Quặng đồng và tinh quặng đồng	3,90	58,69
'851762	Máy thu, đài và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến	3,57	48,95
'851712	Điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	3,41	-16,21
'710122	Ngọc trai nuôi cấy, đã gia công, đã hoặc chưa được phân loại nhưng không xâu thành chuỗi, đã gắn hoặc chưa gia công, đã được nuôi cấy ...	3,23	140,18
'710691	Bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim), chưa gia công, (trừ bạc ở dạng bột)	2,81	71,56
'847130	Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình	2,81	23,72
'150710	Dầu đậu nành thô	2,75	-8,68
'880240	Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 15.000kg	2,41	491,98

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2017	Tăng trưởng (%)
'151190	Dầu cọ và các phân số của nó, đã hoặc chưa tinh chế (trừ các chất thay đổi về mặt hoá học và thô)	2,19	10,96
'841112	Tua bin phản lực, có lực đẩy trên 25 kN	2,02	151,61
'151211	Dầu hướng dương hoặc dầu rum	1,86	41,70
'760200	Phế liệu và mảnh vụn nhôm	1,84	38,08
'870899	Bộ phận và phụ tùng, máy kéo, xe có động cơ để vận chuyển mười người trở lên, ...	1,70	15,38
'280920	Axit photphoric, axit polyphosphoric, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học	1,67	3,23
'310530	Diamoni hydro orthophosphat (diamoni phosphat)	1,48	-12,43
'080131	Hạt điều tươi hoặc khô, chưa bóc vỏ	1,45	23,05
'847150	Các bộ phận xử lý cho các máy xử lý dữ liệu tự động, có hoặc không chứa trong cùng một ...	1,40	19,18
'852990	Bộ phận phù hợp để sử dụng hoàn toàn hoặc chủ yếu với bộ truyền và tiếp nhận cho ...	1,40	8,73
852380	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên, loại khác	1,40	3,07
851769	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên, loại khác	1,37	8,44
880330	Các bộ phận khác của máy bay hoặc trực thăng	1,36	-32,28
711419	Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ kim hoàn giả; tiền kim loại, bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý	1,35	3.430,46
310210	Urê, có hoặc không ở trong dung dịch nước	1,30	-10,36
071320	Đậu gà (chickpeas) (garbanzos)	1,30	88,98

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2017	Tăng trưởng (%)
'720449	Phế liệu và phế liệu bằng sắt hoặc thép (trừ xỉ, quy mô và phế liệu khác của sản xuất ...)	1,27	-0,98
847330	Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.71	1,24	10,34
100199	Lúa mì và meslin (không bao gồm gieo hạt và lúa mì cứng)	1,20	191,23
850440	Máy biến đổi tĩnh điện	1,15	29,18
390110	Polyetylen có trọng lượng riêng dưới 0,94	1,13	8,71

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế)

II. QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM - ẤN ĐỘ NĂM 2017

Đơn vị: triệu USD

	Xuất khẩu sang Việt Nam	Nhập khẩu từ Việt Nam	Tổng kim ngạch	Thặng dư
Tháng 1	535,86	282,09	817,94	253,77
Tháng 2	615,36	223,24	838,60	392,12
Tháng 3	835,24	327,97	1.163,21	507,28
Tháng 4	477,84	306,83	784,67	171,01
Tháng 5	495,23	359,04	854,27	136,19
Tháng 6	541,37	333,32	874,69	208,04
Tháng 7	582,62	344,07	926,68	238,55
Tháng 8	645,21	391,95	1.037,16	253,25
Tháng 9	758,97	460,31	1.219,29	298,66
Tháng 10	738,65	371,58	1.110,23	367,08
Tháng 11	940,12	372,53	1.312,65	567,60
Tháng 12	953,36	374,55	1.327,90	578,81

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế)

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA VIỆT NAM - ẤN ĐỘ 5 NĂM QUA

Đơn vị: triệu USD

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Xuất khẩu sang Việt Nam	5.987,61	6.526,52	5.357,21	5.957,68	8.119,83
Nhập khẩu từ Việt Nam	2.826,67	2.781,69	2.680,09	3.105,63	4.147,47
Tổng kim ngạch	8.814,28	9.308,22	8.037,30	9.063,30	12.267,29
Thặng dư	3.160,95	3.744,83	2.677,12	2.852,05	3.972,36
Tăng trưởng xuất khẩu	-	9,00	-17,92	11,21	36,29
Tăng trưởng nhập khẩu	-	-1,59	-3,65	15,88	33,55

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế)

MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH TỪ VIỆT NAM SANG ẤN ĐỘ

Đơn vị: triệu USD

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2017	Tăng trưởng (%)
'851770	Các bộ phận của bộ điện thoại, điện thoại cho mạng di động hoặc cho các mạng không dây khác	549,95	36,99
'740819	Dây đồng, băng đồng tinh luyện	217,62	255,32
'847330	Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.71	180,71	-0,27
'741110	Các loại ống và ống dẫn bằng đồng tinh luyện	163,10	54,62
'281820	Oxit nhôm, trừ corundum nhân tạo	123,99	150,56
'901380	Thiết bị tinh thể lỏng, n.v. và các thiết bị và dụng cụ quang học khác chưa được chi tiết ở nơi khác ...	91,91	145,33
090111	Cà phê, chưa khử chất caffeine	90,52	33,80
852871	Thiết bị thu dùng trong truyền hình, không thiết kế để gắn với thiết bị hiển thị video hoặc màn ảnh	89,21	67,65

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2017	Tăng trưởng (%)
851769	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên, loại khác	74,49	33,36
330741	"Nhang, hương" và các chế phẩm có mùi thơm khi đốt cháy	72,12	8,94
720421	Phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim, bằng thép ko gỉ	70,88	81,80
280470	Phospho	68,41	0,31
852990	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên	63,68	-6,92
540244	Sợi khác, đơn, không xoắn hoặc xoắn không quá 50 vòng xoắn trên mé	61,48	29,17
851829	Loa, đã hoặc chưa lắp vào vỏ loa	60,27	30,00
780199	chì chưa gia công	60,17	72,87
400122	Cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật (TSNR)	58,72	-39,72
'280920	Axit phosphoric và axit polyphosphoric	57,14	-17,52
090411	Hạt tiêu của chi Piper, không bị nghiền nát hay nghiền	56,41	-26,94
852580	Camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh	52,18	88,77
230990	Các chế phẩm dùng trong chăn nuôi (không bao gồm thức ăn cho chó hoặc mèo được đóng gói để bán lẻ ...	49,83	44,71
090619	Quế và hoa quế	43,50	6,46
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyên mạch và thiết bị định tuyến	42,66	344,67
847050	Máy tính tiền	41,28	21,82
540245	Sợi filament nhân tạo; sợi dạng dải và các dạng tương tự từ nguyên liệu dệt nhân tạo, từ ni lông hoặc từ các polyamit khác	40,81	27,58
080132	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa, đã bóc	40,22	45,30

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2017	Tăng trưởng (%)
	vỏ		
851830	Tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không nối với một micro, và các bộ gồm một micro và một hoặc nhiều loa	35,86	33,31

(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế)

III. XUẤT KHẨU NÔNG SẢN SANG AN ĐỘ

Ấn Độ là quốc gia đông dân thứ hai trên thế giới (hơn 1,3 tỷ người), và đang là một trong 10 đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước mỗi năm đạt gần 10 tỷ USD và trong đó kim ngạch xuất nhập khẩu nông sản chiếm khoảng 40% kim ngạch xuất nhập khẩu của hai nước.

1. Số liệu xuất khẩu một số mặt hàng nông sản của Việt Nam sang Ấn Độ

Trong 7 tháng đầu năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông sản (gồm hạt điều, cà phê, chè, hạt tiêu, bánh kẹo và sản phẩm ngũ cốc) đạt 127,81 triệu USD, tăng 2,07% so với cùng kỳ năm ngoái. Riêng tháng 7, kim ngạch đạt 15,66 triệu USD, giảm 83,42% so với tháng trước và giảm 51,59% so với cùng kỳ năm ngoái, do nhiều mặt hàng trong nhóm nông sản giảm về kim ngạch, giảm mạnh như chè và hạt tiêu.

Số liệu kim ngạch xuất khẩu mặt hàng nông sản Việt Nam sang Ấn Độ tháng 7 năm 2018 và 7 tháng năm 2018

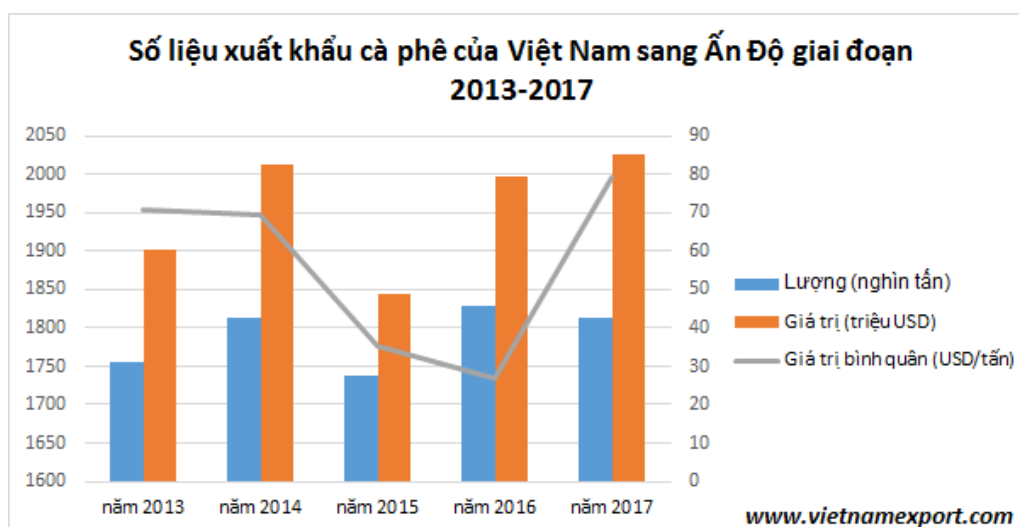
Lượng: Tấn, giá trị: nghìn USD

Nhóm mặt hàng	Tháng 7/2018		Tăng giảm so với T7/2017		7T/2018		Tăng giảm so với 7T/2017	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
Hạt điều	470	3.495,66	-16,38	-41,25	3.043	22.366,56	9,60	0,77
Cà phê	4.926	8.184,59	-4,43	-23,49	35.946	61.433,88	29,13	15,01
Chè	40	64,10	210,00	-79,59	435	432,59	246,21	313,02

Nhóm mặt hàng	Tháng 7/2018		Tăng giảm so với T7/2017		7T/2018		Tăng giảm so với 7T/2017	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
Hạt tiêu	1.375	3.874,51	-43,49	-120,27	13.027	43.167,12	28,41	-12,80
Bánh kẹo		41,21		-9,68		414,71		33,20

Cà phê

Trong nhóm hàng nông sản, Việt Nam đang là nhà cung ứng cà phê lớn nhất (với thị phần 62,6%) tại Ấn Độ và đây là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang Ấn Độ cao nhất. Giai đoạn 2013- 2017, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Ấn Độ không ổn định cả về lượng và giá trị, riêng năm 2015 có sự sụt giảm lớn về lượng và giá trị, tuy nhiên tăng trung bình cả giai đoạn vẫn đạt 12% về lượng và 13% về giá trị. Năm 2017, Việt Nam xuất khẩu 42,77 nghìn tấn, thu về 85,40 triệu USD, với giá trị bình quân là 1996,85 USD/tấn, giảm 6,60% về lượng nhưng tăng 7,50 về giá trị và tăng 15,10% giá trị bình quân so với cùng kỳ năm 2016.



Trong tháng 7 năm 2018, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang Ấn Độ đạt 8,18 triệu USD, ứng với 4,93 nghìn tấn cà phê xuất khẩu, giảm cả về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm ngoái, so với tháng trước tăng 99,86% về lượng nhưng giảm 82,13% về giá trị. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 35,95 nghìn tấn, ứng với 61,43 triệu USD, tăng 29,13% về lượng và 15,01% về giá trị.

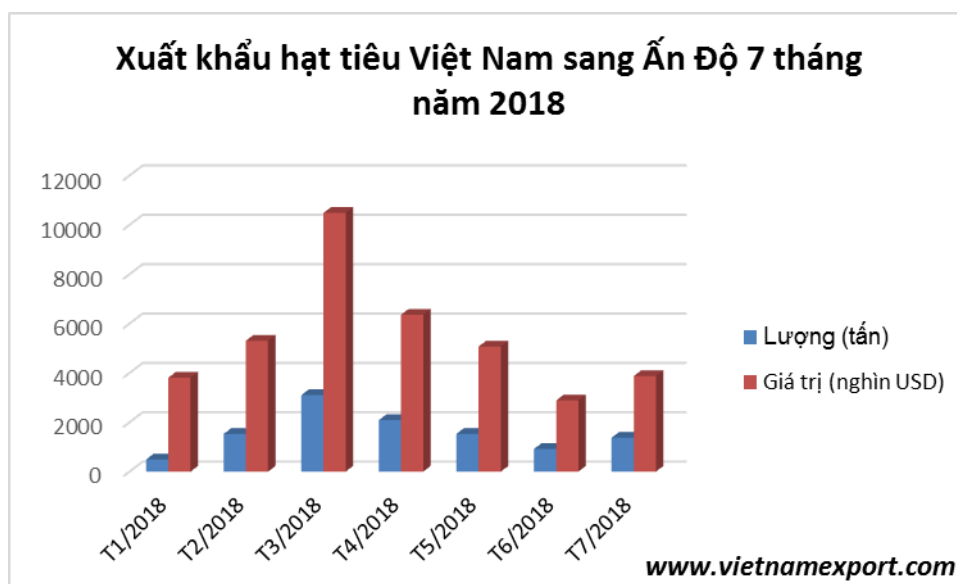
Dự báo, niên vụ 2017-2018, tiêu thụ cà phê của Ấn Độ vẫn giữ ổn định của niên vụ trước với khoảng 1,2 triệu bao 60 kg (tương đương 72,30 nghìn tấn), với tỷ lệ tiêu thụ cà phê rang xay vẫn duy trì ở mức cao, trong khi tỷ lệ cà phê

hòa tan trong những năm gần đây đã có sự vượt trội đáng kể, đặc biệt miền bắc Ấn Độ. Tại Ấn Độ, đang có hàng trăm cửa hàng cà phê có ảnh hưởng của phong cách phương Tây đã xuất hiện ở khắp các thành phố lớn nhỏ, cùng với việc gia tăng thu nhập khả dụng đã tạo điều kiện cho việc tiêu thụ cà phê tăng trưởng hơn những năm gần đây, đây là cơ hội lớn cho doanh nghiệp cà phê Việt Nam mở rộng tại nước này.

Hạt tiêu

Với lịch sử 5000 năm, truyền thống ẩm thực độc đáo và văn hóa phong phú, nên món ăn Ấn rất đa dạng. Người Ấn Độ sử dụng nhiều gia vị trong các món ăn, họ có thói quen phơi khô các loại thảo mộc, gia vị và đóng thành gói nhỏ sử dụng cho từng món ăn riêng rẽ. Hạt tiêu là một trong những gia vị được sử dụng phổ biến tại Ấn Độ.

Việt Nam đang là nước xuất khẩu tiêu lớn thứ hai tại thị trường Ấn Độ, sau Sri Lanka. Theo Hải quan Việt Nam, năm 2017, Việt Nam xuất khẩu 16,28 nghìn tấn hạt tiêu sang Ấn Độ, thu về 78,92 triệu USD, tăng 46,48% về lượng nhưng giảm 6,31% về giá trị. Sang năm 2018, 3 tháng đầu năm, kim ngạch có sự tăng cả về lượng và giá trị, nhưng 3 tháng sau thì kim ngạch giảm cả về lượng và giá trị. Giá tiêu xuất khẩu trung bình của từng tháng đạt gần 3000 USD/tấn.



Trong tháng 7, kim ngạch này đạt 1,38 nghìn tấn hạt tiêu, ứng với 3,87 triệu USD, giảm 43,49% về lượng và giảm 120,27% về giá trị, mức giảm cao nhất trong nhóm hàng nông sản so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung trong 7 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này là 13,03 nghìn tấn, ứng với 43,17 triệu USD, tăng 28,41% về lượng nhưng giảm 12,80% về giá trị.

Hạt điều

Từ năm 2013 đến nay, tuy lượng và giá trị xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Ấn Độ không ổn định, nhưng giá trị bình quân của từng năm đang tăng đều, với mức tăng trưởng trung bình là 19,53%.

Số liệu kim ngạch xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Ấn Độ

	năm 2013	năm 2014	năm 2015	năm 2016	năm 2017
Lượng (tấn)	6.643	732	2.535	4.030	5.556
Giá trị (nghìn USD)	23.374,61	3.555,01	16.435,98	28.603,40	46.000,62
Giá trị bình quân (USD/tấn)	3.518,68	4.856,57	6.483,62	7.097,62	8.279,45

Tính hết 7 tháng năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 3,04 nghìn tấn hạt điều sang Ấn Độ, thu về 22,37 triệu USD, tăng 9,60% về lượng và 0,77% về giá trị, riêng tháng 7 kim ngạch này đạt 470 tấn, thu về 3,50 triệu USD.

Khó khăn khi xuất khẩu nông sản vào Ấn Độ

Mặc dù là thị trường lớn nhưng xuất khẩu vào thị trường Ấn Độ gặp khá nhiều khó khăn do thông tin thị trường sơ sài, ít được cập nhật, khoảng cách địa lý xa xôi, khác biệt về văn hóa, tâm lý, thói quen tiêu dùng trong khi cơ cấu mặt hàng xuất khẩu trùng hợp là những rào cản khi nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ.

Việt Nam và Ấn Độ chưa có Hiệp định tự do thương mại trong khi hiệp định tự do thương mại tự do ASEAN- Ấn Độ lại loại trừ ưu đãi thuế cho các mặt hàng nông sản nên việc đẩy mạnh xuất khẩu nông sản sang Ấn Độ vẫn gặp nhiều khó khăn.

Thông tin hội chợ nông sản tại Ấn Độ

STT	Tên hội chợ	Lĩnh vực	Thời gian dự kiến	Địa điểm	Website
1	World of food India 2018 (Annapoorn)	Thực phẩm	27/9 đến 29/9/2018	Bombay Exhibition Centre, Mumbai	http://www.worldoffoodindia.com/
2	Grain Ex India	Gạo, ngũ cốc	5/10 đến 7/10/2018	SMS Ground, Jaipur, Rajasthan (INDIA)	http://tradeshows.tradeindia.com/grainexindia2018/
3	India international tea & coffee expo	Chè, cà phê	22/11 đến 24/11/2018	Khudiram Anushilan Kendra, Kolkata, India	http://www.teacoffeeexpo.in/
4	International Spice Conference 2019	Gia vị	28/1 đến 31/1/2019	Novotel Hyderabad Convention Centre, Hyderabad, India	http://www.internationalspiceconference.com/
5	2nd Edition Rice Milltech Expo 2019	Gạo	8/3 đến 10/3/2019	Rudrapur (India)	http://ricemilltech.com

IV. QUY ĐỊNH, THỦ TỤC XUẤT NHẬP KHẨU

Hiện tại, Chính phủ Ấn Độ áp dụng chính sách mở rộng tự do cho xuất nhập khẩu, vì vậy trong vòng 5 năm trở lại đây, những hạn chế về mặt định lượng, cơ chế giấy phép và kiểm soát đối với hàng xuất nhập khẩu đã được thay thế bằng các quy định, thủ tục đơn giản hơn, tăng cường bảo hộ bằng thuế xuất nhập khẩu và tỷ giá hối đoái.

1. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa

Khi tàu trở hàng đến cảng, trong vòng 24 giờ đối với hàng hóa nhập qua đường biển và 12 giờ đối với hàng hóa nhập qua đường hàng không sau khi tàu cập bến, nhà nhập khẩu hoặc chủ tàu phải điền vào Tờ khai hàng hóa (Manifest) và nộp cho Hải quan để làm các thủ tục thông quan tiếp theo.

Các chứng từ nhập khẩu sẽ gồm có các loại sau đây:

a. Chứng từ nhập khẩu

Để nhập khẩu hàng hóa vào Ấn Độ, đòi hỏi các giấy tờ sau:

Hóa đơn thương mại: Hóa đơn cần có tối thiểu 4 bản có chữ ký của nhà cung cấp tại quốc gia xuất khẩu. Hóa đơn phải có những chi tiết như sau:

- Nước xuất xứ
- Tên người nhận
- Số và ngày lập thư tín dụng và số giấy phép nhập khẩu (Nếu có)
- Phương thức thanh toán
- Tên nhà chuyên chở
- Số hiệu phương tiện chuyên chở
- Thông tin mô tả và những dấu hiệu nhận dạng bên ngoài của container hàng
- Thông tin mô tả chi tiết về hàng hóa như số lượng, trọng lượng (bao gồm trọng lượng tổng và trọng lượng tịnh), giá trị, phí vận chuyển và bảo hiểm

Vận đơn

- Cần tối thiểu 2 bản. Vận đơn theo lệnh “To order bills” cũng có thể cũng được chấp nhận.

- Phí chuyên chở phải được nêu riêng.
- Khối lượng hàng hóa tính bằng đơn vị mét.
- Số giấy phép nhập khẩu và số thư tín dụng.
- Tên và địa chỉ của người nộp đơn và ngân hàng phát hành thư tín dụng.

Phiếu đóng gói: Không bắt buộc nhưng có thể làm quá trình thông quan hàng hóa thuận tiện hơn.

Giấy chứng nhận xuất xứ: Do Phòng Thương mại địa phương ban hành (thường yêu cầu phải có 3 bản).

Các giấy chứng nhận đặc biệt

- Nhập khẩu vật nuôi cần có giấy chứng nhận kiểm dịch do một cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất xứ cấp và được chứng nhận bởi một tổ chức liên quan.

- Thực vật, các sản phẩm từ thực vật và lá cây thuốc lá cần có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do một cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp và được chứng nhận bởi một tổ chức liên quan. Thêm vào đó, nhập khẩu lá cây thuốc lá phải có giấy chứng nhận đặc biệt trong đó chỉ rõ thuốc lá không có ephestia elutella hoặc loại sâu bệnh đó không tồn tại ở quốc gia xuất xứ. Bất kỳ chuyến hàng lá thuốc lá nào không có giấy chứng nhận kể trên sẽ bị các thanh tra chính phủ Ấn Độ kiểm tra và thu phí.

- Quần áo đã qua sử dụng: cần giấy chứng nhận đã tẩy uế do một cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất xứ cấp.

- Rượu pooctô: cần có giấy chứng nhận có ghi rõ thành phần cồn.

- Rượu mạnh có thể cần có giấy chứng nhận ghi rõ thời gian ủ rượu.

Tờ khai nhập khẩu: Các nhà nhập khẩu cần nộp tờ khai nhập khẩu theo đúng mẫu, trong đó có nêu chi tiết về giá trị hàng hóa.

Giấy phép nhập khẩu (nếu cần) Tất cả các giấy tờ liên quan đến hoạt động nhập khẩu cần được đi kèm với giấy phép nhập khẩu. Việc này sẽ giúp cơ quan hải quan làm việc nhanh chóng. Dưới đây là những cơ quan được chỉ định cấp giấy phép nhập khẩu:

- Bộ Điện tử phụ trách việc nhập khẩu máy tính và các hệ thống liên quan đến máy tính.

- Bộ Chính sách và Phát triển Công nghiệp phụ trách các công ty nghiệp đoàn, trừ nhập khẩu máy tính và các hệ thống sử dụng máy tính.

- Bộ Quốc phòng phụ trách việc nhập khẩu các thiết bị liên quan đến quốc phòng

- Tổng cục Ngoại thương phụ trách các ngành công nghiệp quy mô nhỏ chưa được nhắc đến ở trên.

Giấy phép miễn thuế: được ban hành cho các trường hợp sau:

- Hàng nhập khẩu là nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu. Giấy phép miễn thuế có thể được cung cấp cho một công ty xuất khẩu là nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu thương mại các nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu.

- Cung cấp ngay: Giấy phép miễn thuế có thể được cấp ngay lập tức cho một nhà sản xuất kiêm xuất khẩu để nhập khẩu hàng hóa là nguyên liệu đầu vào cần thiết cho việc sản xuất hàng hoá xuất khẩu nếu nhà sản xuất kiêm xuất khẩu đó đã có một tờ giấy phép miễn thuế khác.

- Chương trình miễn thuế cũng được áp dụng cho việc nhập khẩu mà theo đó nguyên liệu thô, hàng hóa trung gian, hàng tiêu dùng, linh kiện, phụ tùng thiết bị và các vật liệu đóng gói để sử dụng trực tiếp cho các sản phẩm xuất khẩu có thể được miễn thuế theo nhiều danh mục được cấp phép. Giấy phép miễn thuế cho người sử dụng thực tế và không thể chuyển nhượng được là một trong số những giấy phép đó. Với những người không muốn nhập khẩu hàng hóa bằng cách sử dụng giấy phép miễn thuế thì có thể nhận giấy chứng nhận miễn thuế sau xuất khẩu.

Thư tín dụng: Tất cả các nhà nhập khẩu cần xuất trình thư tín dụng (L/C) để đảm bảo rằng việc thanh toán cho số hàng nhập khẩu chắc chắn được tiến hành. Thông thường, chứng từ này sẽ được kiểm tra với ngân hàng phát hành thư tín dụng.

Về cơ bản, các thủ tục đều được thực hiện online, chi tiết xin xem tại: http://accmumbai.gov.in/aircargo/import/import_procedure.html#conveyances

b. Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu

Một số mặt hàng bị hạn chế nhập khẩu vào Ấn Độ bao gồm:

- Động vật sống
- Một số loại phân hoá học.
- Da thú
- Quặng khoáng và sản phẩm quặng.
- Sữa bột trẻ em
- Một số kim loại và hợp kim.

c. Kiểm soát nhập khẩu

Các mặt hàng nông sản nhập khẩu như lúa mì, gạo, ngô, các loại ngũ cốc thô, dầu dừa và cùi dừa thuộc danh mục các mặt hàng chịu sự kiểm soát nhập khẩu. Một doanh nghiệp Thương mại của nhà nước được chỉ định thực hiện nhập khẩu độc quyền các mặt hàng này trên cơ sở đánh giá khả năng kinh doanh thực tế. Nói một cách đơn giản, nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ bao gồm xăng, dầu diesel và ATF được xếp vào hạng mục kinh doanh của nhà nước. Sản phẩm ure nhập khẩu cũng được xử lý qua cơ chế kinh doanh của nhà nước.

d, Các mặt hàng cấm nhập khẩu

Những mặt hàng bị cấm nhập vào Ấn Độ bao gồm những loại có thể gây tổn hại đến môi trường hoặc đời sống hoang dã và một số mặt hàng quân sự nhất định. Một số mặt hàng ảnh hưởng đến an ninh nội địa, trật tự xã hội và nhiều tiêu chuẩn về giá trị đạo đức cũng bị cấm. Việc cấm nhập khẩu những mặt hàng này được áp dụng nhằm ngăn chặn sự thiếu hụt hàng hóa trên thị trường nội địa. Bảo toàn ngoại hối nhằm duy trì cán cân thanh toán của nước này đồng thời kiểm soát việc buôn bán vàng và bạc.

Danh sách các mặt hàng cấm, hạn chế nhập khẩu có thể tham khảo tại website của Bộ Công thương Ấn Độ: <http://dgft.gov.in/>

2. Chính sách thuế và thuế suất

Ấn Độ hiện áp dụng chính sách thuế theo các bang và lên bang, mặc dù áp dụng chính sách thuế giá trị gia tăng trên toàn quốc, nhưng sự khác biệt trong biểu thuế thương mại giữa các bang khiến hệ thống thuế không rõ ràng.

Một số loại thuế chính

Thuế thu nhập Mức thuế thu nhập tại Ấn Độ áp dụng cho công ty cụ thể như sau: Các công ty trong nước chịu mức thuế 33,99%, các công ty nước ngoài chịu mức thuế 42,23%. Thuế thu nhập cá nhân cao nhất ở mức 30%. Thuế bán hàng Từ 4 đến 15% được áp dụng với hầu hết các sản phẩm theo từng bang. Nhà nhập khẩu không phải nộp loại thuế này. Tuy nhiên, khi hàng được nhập rồi bán lại trong thị trường Ấn Độ, khi đó, hàng hóa này sẽ bị đánh thuế bán hàng. Thuế hàng hóa áp dụng đối với các mặt hàng được sản xuất, bán hoặc tiêu dùng tại Ấn Độ.

Thuế hải quan

Biểu thuế Hải quan của Ấn Độ: <http://www.cbec.gov.in/htdocs-cbec/excise/cxt-2016-17-new/cxt-1617-june16-idx>

Thuế hải quan được tính đối với hàng hóa nhập khẩu vào Ấn Độ theo các điều khoản của luật hải quan và với tỷ suất qui định tại luật thuế hải quan. Có rất nhiều loại thuế được đánh vào hàng nhập khẩu và có một số phương pháp quy định để tính thuế. Biểu danh mục thuế của Ấn Độ gồm nhiều loại miễn, giảm và hoàn thuế và được áp dụng dựa trên cơ sở từng mặt hàng cụ thể, phụ thuộc vào mục đích sử dụng cũng như vị thế của nhà nhập khẩu. Các mức thuế suất cơ bản là 5%, 15%, 25%, 30%.

Các bước xác định mức thuế mà nhà nhập khẩu phải nộp:

- Nhận bảng phân loại hàng hóa.
- Tính mức thuế hải quan cơ bản, phụ phí, thuế hải quan bổ sung (tương đương với thuế hàng hóa), và thuế bổ sung đặc biệt.
- Xác định xem liệu có thêm khoản thuế nào do khác biệt về luật hay không.
- Xác định xem mặt hàng đó có được miễn hay giảm thuế không.

Chính sách miễn thuế nhập khẩu Chính sách miễn thuế: cho phép việc nhập khẩu nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu mà không phải nộp thuế. Giấy phép miễn thuế có thể được cấp theo khuôn khổ chương trình miễn thuế. Chương trình sẽ cho phép bổ sung/miễn thuế sau xuất khẩu đối với nguyên liệu đầu vào dùng trong hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu. Chương trình miễn thuế gồm (a) DFRC và (b) DEPB. DFRC cho phép tiếp tục miễn thuế đối với các sản phẩm xuất khẩu. Chương trình DEPB cho phép hoàn phí nhập khẩu đối với các nguyên liệu đầu vào dùng cho hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu. Chính phủ có quyền công bố miễn thuế hoàn toàn hay một phần "vì lợi ích công cộng" và chỉ rõ các điều kiện (ví dụ điều khoản ngừng áp dụng).

Khoảng 1/2 tổng số nguyên liệu đầu vào của Ấn Độ được giảm thuế nhập khẩu, mặc dù việc áp dụng chế độ miễn thuế được đặt song song với quá trình cắt giảm thuế quan. Việc giảm thuế đã hỗ trợ nhiều ngành công nghiệp xuất khẩu của nhiều nước xuất khẩu vào Ấn Độ. Những ngành công nghiệp nước ngoài được hưởng lợi từ việc Ấn Độ xóa bỏ cơ chế hạn ngạch (QR) và giảm thuế suất là: hàng tiêu dùng, thực phẩm chế biến, giày dép, đồ chơi, sản phẩm

viễn thông, phân bón, thiết bị khai thác mỏ, sản phẩm gỗ, đồ trang sức, linh kiện máy ảnh, giấy, bìa các tông, phế liệu kim loại, máy tính, máy văn phòng và linh kiện, máy dệt và linh kiện, thiết bị cầm tay, nước ngọt, nước hoa quả và đồ hộp....

Thuế nhập khẩu hàng mẫu thương mại Các mẫu hàng thương mại không bị đánh thuế hải quan thông thường nếu đáp ứng các điều kiện sau: Hàng mẫu đó được nhập khẩu theo diện hành lý xách tay của khách du lịch hoặc doanh nhân hay được nhập khẩu qua đường bưu điện hoặc hàng không. Hàng mẫu đó được đánh dấu rõ ràng là “hàng mẫu”, và giá trị của số hàng mẫu nhập khẩu không được quá 1.000 USD hoặc 15 đơn vị hàng mẫu trong vòng 12 tháng. Hàng mẫu đó đã được nhập khẩu vào Ấn Độ chỉ vì mục đích trưng bày theo hướng dẫn hoặc yêu cầu của nhà xuất khẩu hoặc để bảo đảm thực hiện một đơn hàng xuất khẩu. Hàng mẫu đó phải được đi kèm với đầy đủ các tài liệu hướng dẫn.

3. Bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác

Bao gói

Hàng hóa phải được đóng gói chắc chắn và có thể chịu được sức nóng và độ ẩm cao trong mùa hè, có thể được lưu giữ ngoài trời hoặc trong kho và buộc bằng dây thép. Thùng chứa bên ngoài của hàng hóa cần được ghi ký mã hiệu của người gửi, ký mã hiệu cảng gửi hàng và đánh số phù hợp với số ghi trong phiếu đóng gói trừ trường hợp hàng đã được xác định trước. Cần ghi rõ trọng lượng tổng của kiện hàng trên cả hai mặt của thùng chứa hàng.

Những mặt hàng được sản xuất tại hơn một nước cần được ghi rõ “sản xuất tại nước ngoài” (“Foreign Made”) hoặc những từ ngữ tương tự để chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Tất cả các mặt hàng nhập khẩu vào Ấn Độ phải có ký mã hiệu về nguồn gốc xuất xứ. Hàng nhập khẩu có thể cần phải có ký mã hiệu và nhãn mác chi tiết. Nhà nhập khẩu Ấn Độ có thể hướng dẫn nhà xuất khẩu về các yêu cầu này.

Ghi nhãn hàng hóa

Nhãn mác hàng hóa xuất nhập khẩu vào Ấn Độ thường được ghi bằng tiếng Anh. Việc ghi nhãn mác hàng nhập khẩu thường được theo dõi rất chặt chẽ. Các hàng hóa nhập khẩu phải có những thông tin dưới đây trước khi được đưa ra thị trường bán lẻ hoặc tiêu thụ, bao gồm cả các sản phẩm trong danh mục

EOU. Thông tin về sản phẩm được đưa trực tiếp ra thị trường bán lẻ cần phải có những chi tiết in trên bao bì như sau:

- Thông tin mô tả sản phẩm
- Thông tin đóng gói
- Trọng lượng tổng và trọng lượng tịnh
- Thời hạn lưu hàng trên giá (kệ) bày hàng
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng của sản phẩm hoặc được thời hạn sử dụng tốt nhất
- Hướng dẫn bảo quản
- Thành phần nguyên liệu
- Mã vạch (nếu được áp dụng và do EAN và UPC tại New Delhi ban hành) Số hiệu hàng hóa do Cơ quan Sản phẩm Thực phẩm (Food Product Office - FPO) đóng tại New Delhi và/ hoặc Mumbai cấp.
- Công thức sản xuất
- Địa chỉ của nhà sản xuất và nhà xuất khẩu hàng hóa vào Ấn Độ
- Giá bán lẻ trên thị trường, gồm cả thuế và phí vận chuyển

Nguyên liệu thô nhập khẩu vẫn cần gia công thêm trước khi được đưa ra thị trường thì không cần có những thông tin kể trên nhưng cần được nêu rõ trong vận đơn chuyên chở, trong đó có thể bao gồm cả giá bán lẻ trên thị trường (Market Retail Price - MRP).

4. Qui định về kiểm dịch động thực vật

- Động thực vật sống phải có giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền tại nơi xuất xứ
- Thực vật chỉ được nhập khẩu qua cảng nơi có đầy đủ thiết bị kiểm dịch và xông khói.
- Rau quả và thực phẩm phải được kiểm dịch trước khi cập cảng.
- Chất lượng và độ nguyên chất của thực phẩm phải tuân theo những qui định nghiêm ngặt của quốc gia và các tiểu bang về cách bảo quản, màu sắc sản phẩm, độ ngọt nhân tạo, thùng chứa, ký mã hiệu và nhãn mác.

- Các loại thuốc phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kiểm soát nhập khẩu, sản xuất, phân phối và kinh doanh. Thuốc nhập khẩu yêu cầu phải lấy mẫu và thử nghiệm trước. Tiêu chuẩn hợp pháp sử dụng cho các loại thuốc nhập khẩu dựa theo tiêu chuẩn của British Pharmacopoeia và US National Formulary.

Việc nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và động vật cần phải có giấy phép về an toàn, sinh học và kiểm dịch do Bộ Nông nghiệp và Hợp tác cấp. Giấy phép này dựa trên sự phân tích rủi ro nhập khẩu của sản phẩm, được tiến hành theo các nguyên tắc khoa học và trong khuôn khổ thỏa thuận với WTO về áp dụng các biện pháp kiểm dịch và vệ sinh. Chính sách này cũng chỉ rõ rằng theo “Nguyên tắc đối xử quốc gia” của GATT, các mặt hàng nhập khẩu phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây: Việc nhập khẩu tất cả các loại thực phẩm sẽ được tiến hành theo các điều khoản của đạo luật và qui tắc liên quan đến chế biến thực phẩm. Việc nhập khẩu các sản phẩm thịt và gia cầm phải tuân thủ mọi điều kiện của Nội quy về sản phẩm từ thịt. Việc nhập khẩu chè phải tuân thủ Nội quy nhập khẩu chè. Không được phép nhập bất kỳ nguyên liệu dệt may nào nếu có sử dụng các loại thuốc nhuộm trong danh mục cấm như azo. Trong trường hợp này, bắt buộc phải có giấy chứng nhận giám định trước khi vận chuyển.

5. Khu chế xuất Ở Ấn Độ

Các khu chế xuất được thành lập tại các khu vực West Bengal, Tamil Nadu, Kerala, Uttar Pradesh và Andhra Pradesh. Các khu này bao gồm:

- Khu chế biến xuất khẩu Falta
- Khu chế biến xuất khẩu Chennai
- Khu chế biến xuất khẩu Noida
- Khu chế biến xuất khẩu Cochin
- Khu chế biến xuất khẩu Visakhapatnam

Đặc điểm của các khu chế xuất này như sau:

- Cho phép các hoạt động thầu phụ đối với sản phẩm sản xuất tại Ấn Độ và tại nước ngoài
- Chỉ riêng ngành công nghệ thông tin mới cần phải có giấy phép hoạt động trong các khu chế xuất

- Hàng hóa là tư liệu sản xuất và nguyên liệu thô ra vào khu chế xuất được miễn thuế

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

- Có kho ngoại quan riêng dành cho việc nhập khẩu hàng hóa, tái xuất và marketing.

Các khu công nghiệp tại Ấn Độ, tham khảo tại: <http://sezindia.nic.in/index.asp>

6. Văn hóa kinh doanh

Doanh nhân Ấn Độ thường được đào tạo một cách rất bài bản, các nguyên tắc giao tiếp và kinh doanh của Ấn Độ theo phương hướng của châu Âu, hầu hết họ đều có trình độ quản lý cao và sử dụng tiếng Anh thành thạo.

Nên chuẩn bị danh thiếp trước khi gặp đối tác người Ấn Độ. Ấn Độ thường có nhiều lễ hội vào đầu và cuối năm, thời gian tốt nhất để gặp gỡ đối tác là tháng 5 cho đến tháng 10, tốt nhất hãy tìm hiểu thông qua Đại sứ quán để tránh những dịp lễ lớn của Ấn Độ. Khi gặp đối tác nên tặng họ một món quà nhỏ như hoa, socola, nước hoa, những đồ điện nhỏ, đây là những món quà được người Ấn Độ ưa thích. Nên chú ý đến màu sắc giấy gói quà, màu đen và trắng là những màu không may mắn theo quan niệm của người Ấn.

Nên chú ý là người Ấn không ăn thịt bò và uống rượu, một số khác theo đạo Hồi họ không ăn thịt lợn. Con chó trong quan niệm của họ là con vật không sạch sẽ nên món ăn và quà tặng có hình con chó cũng không được ưa thích.

Đường xá ở Ấn Độ tương đối đông đúc, đi lại khá khó khăn, người Ấn cũng không có thói quen đúng giờ. Nên khi hẹn gặp đối tác doanh nghiệp có thể linh động về thời gian, trước khi gặp nên liên lạc lại với đối tác để nhắc nhở địa điểm và thời gian.

Phong cách làm việc của các doanh nghiệp Ấn Độ thường khá từ tốn, chậm rãi. Nhiều khi thoả thuận được một hợp đồng với các doanh nghiệp Ấn Độ cần mất khá nhiều thời gian. Doanh nghiệp Việt Nam khi làm ăn với đối tác Ấn Độ nên biết rõ điều này và nên kiên trì trong các kế hoạch hợp tác khi đã xác định được đối tác của mình.